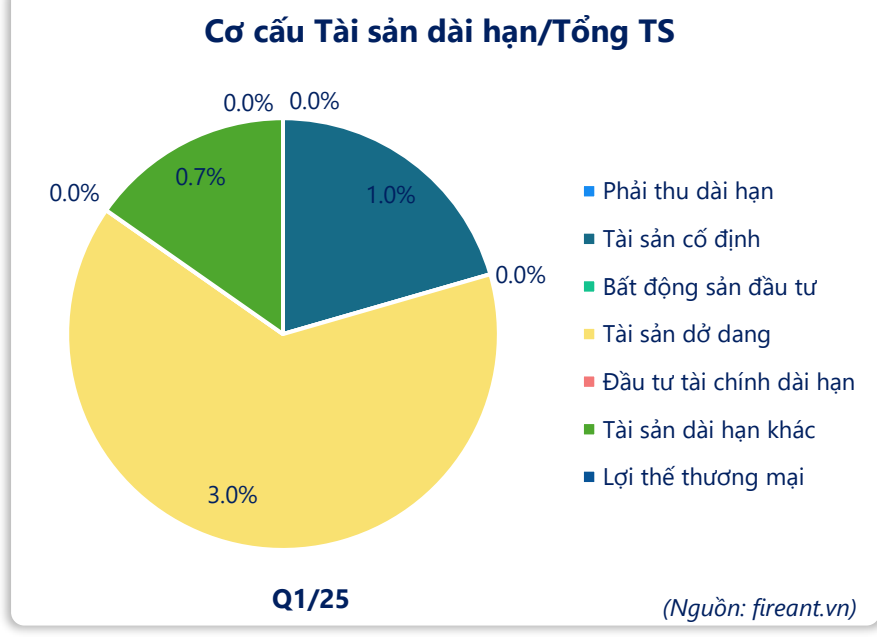
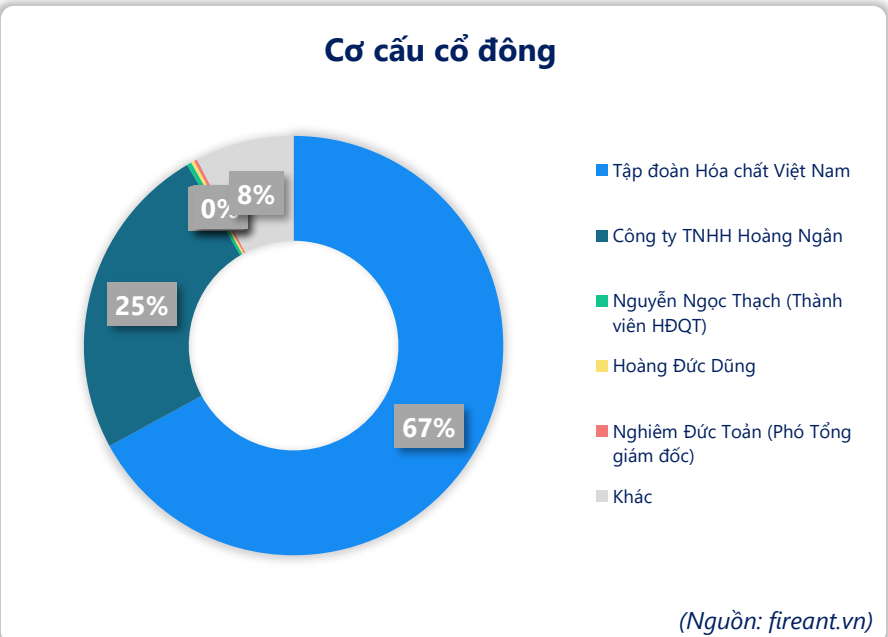
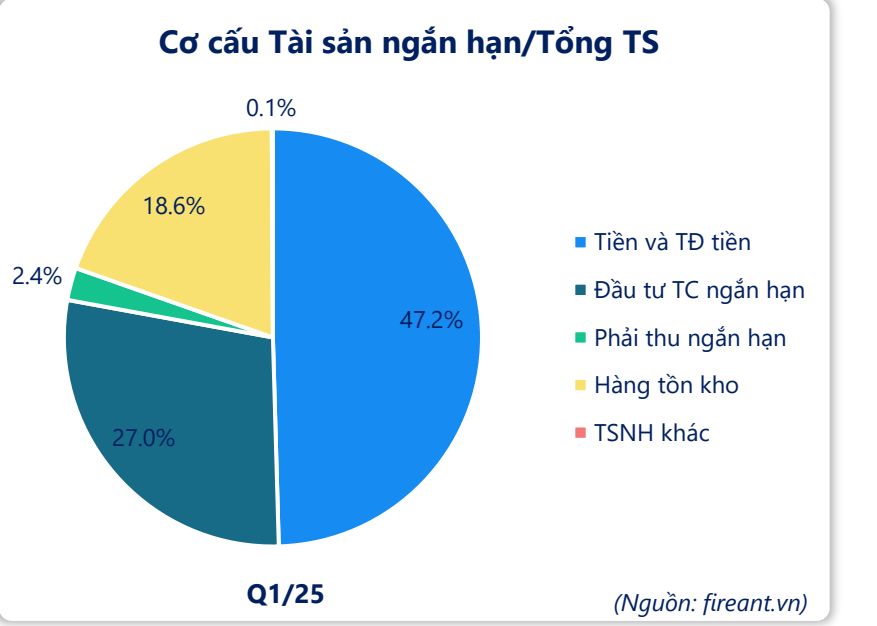
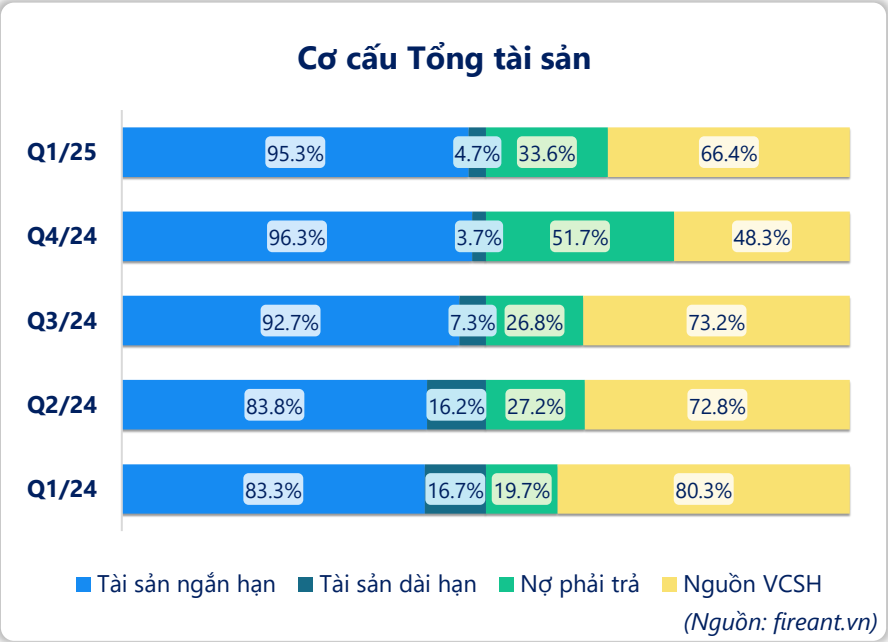
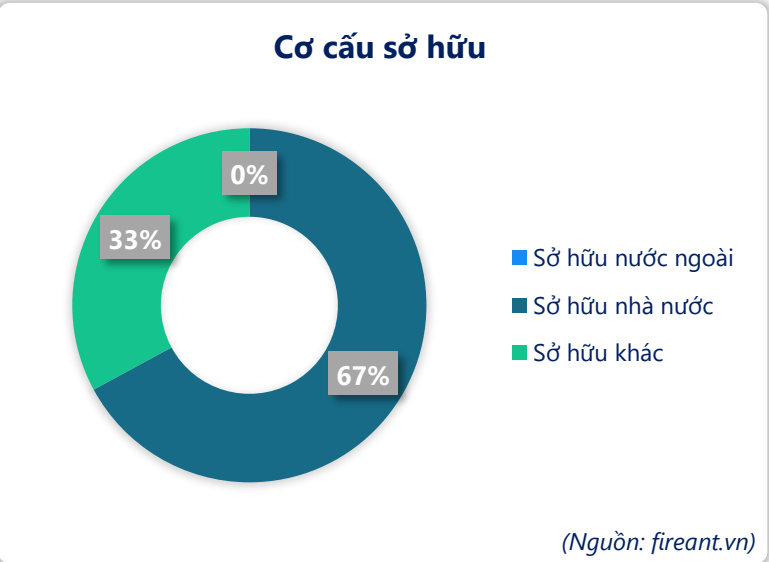
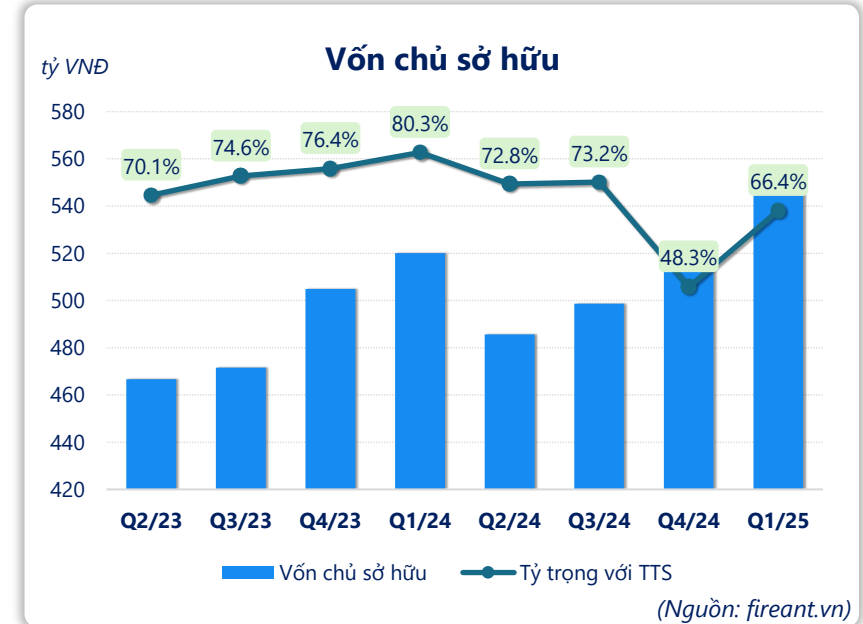
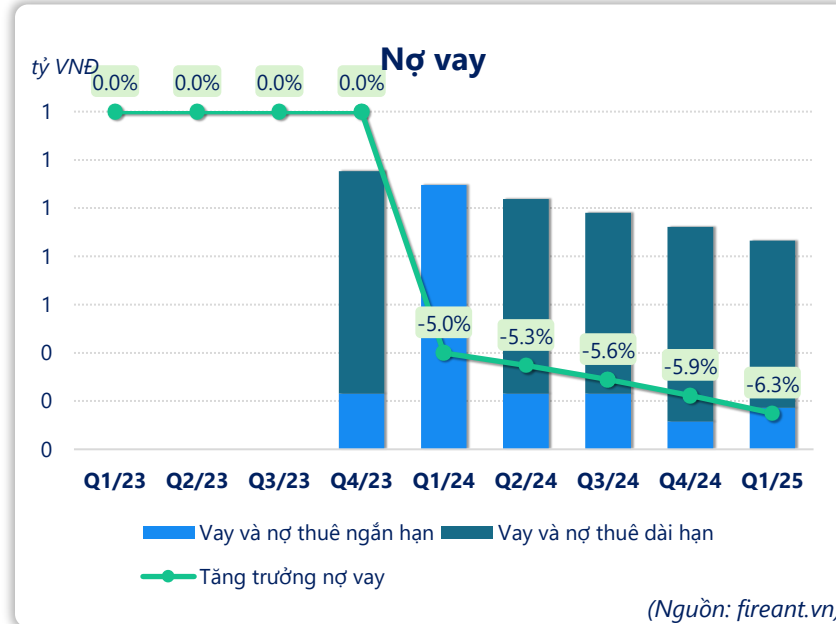
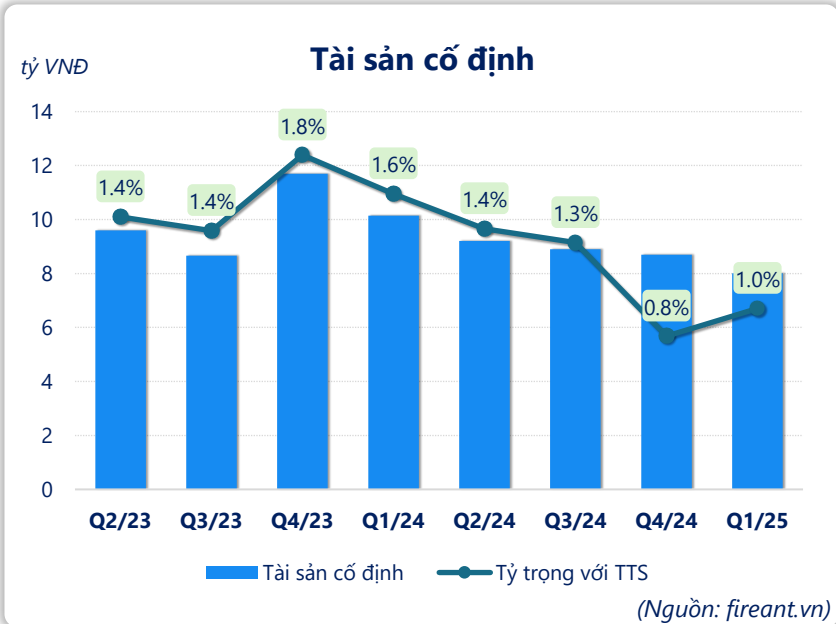
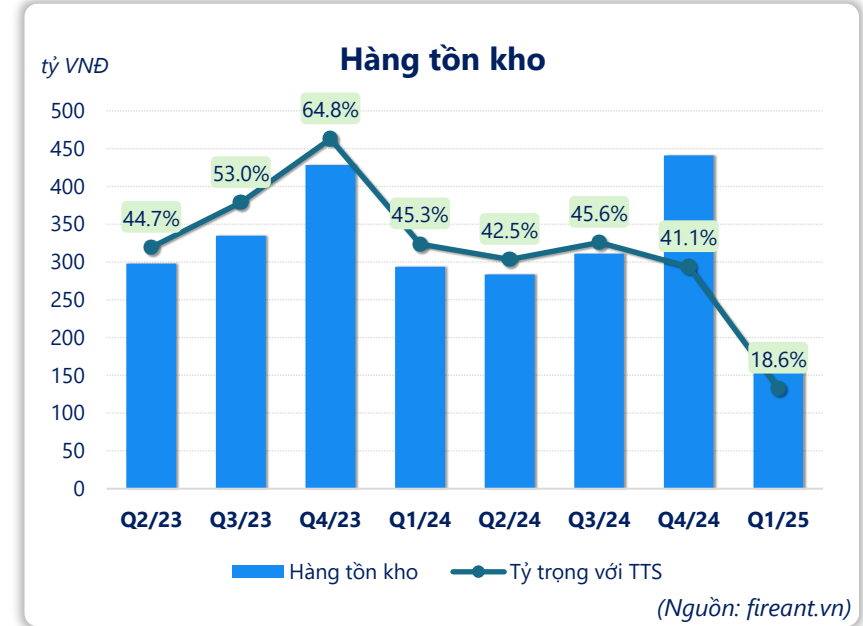
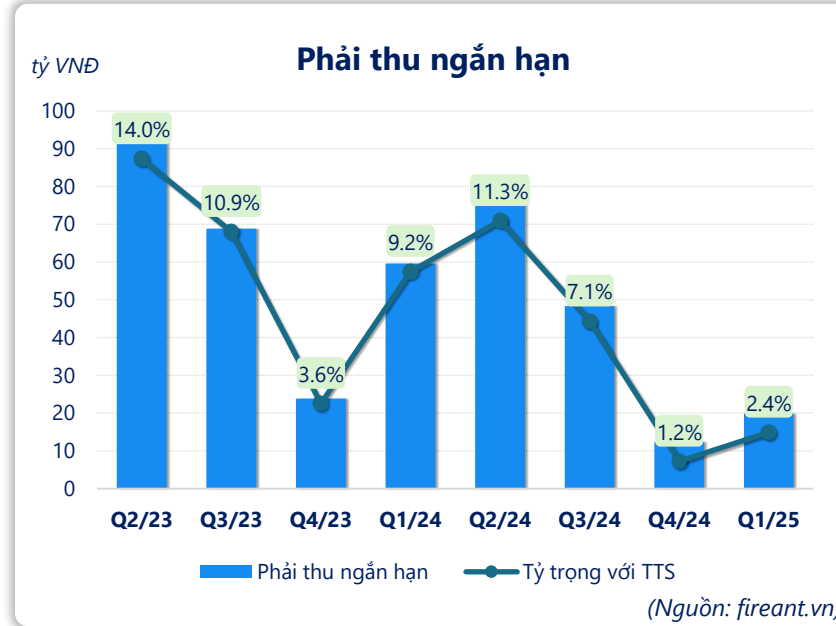
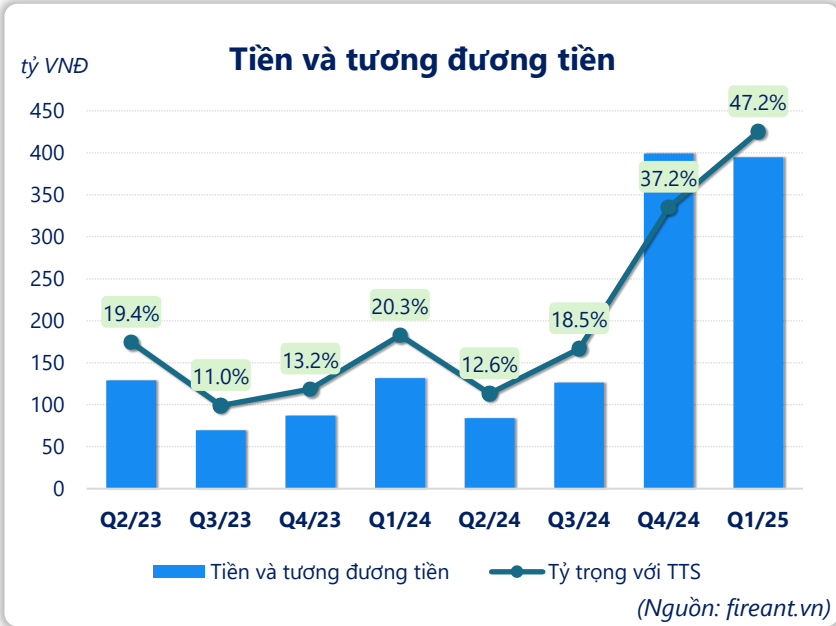
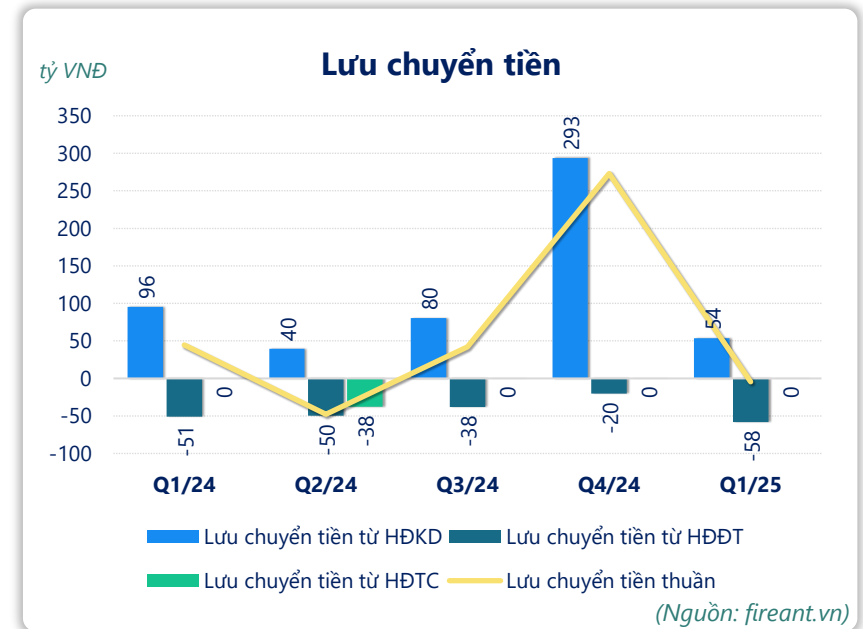
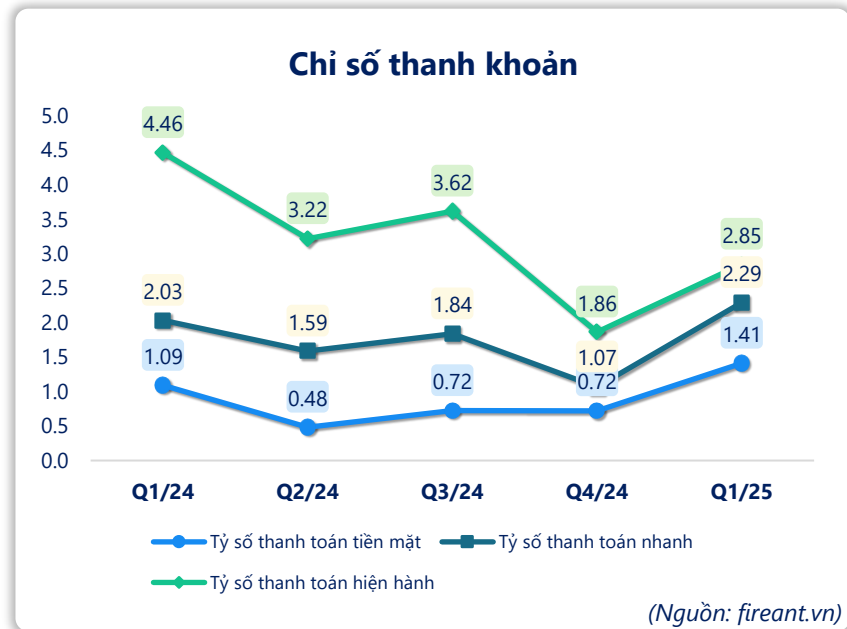
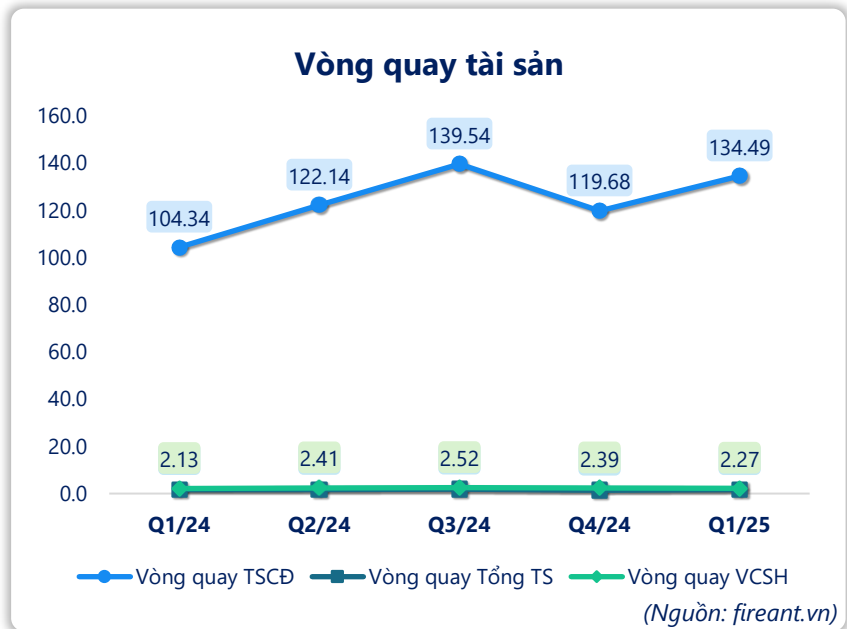
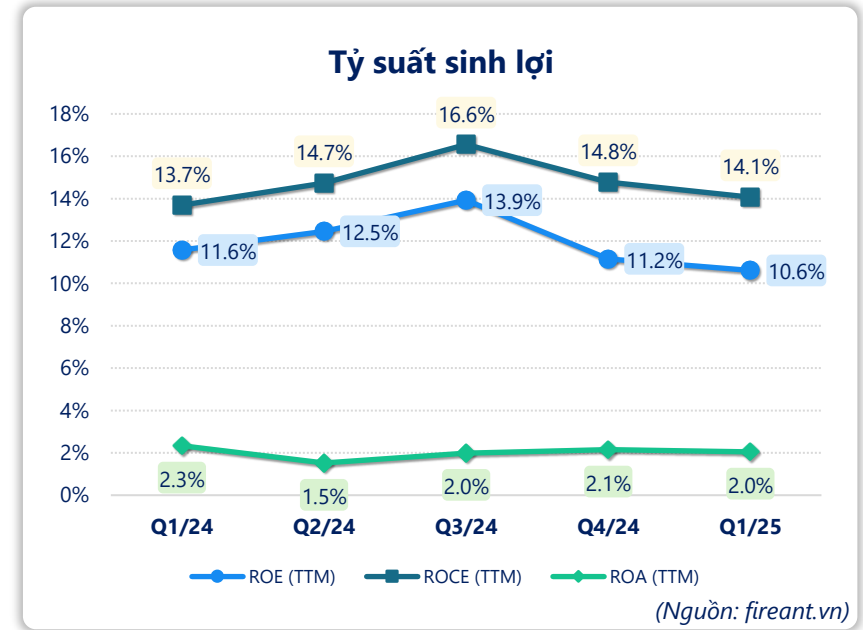
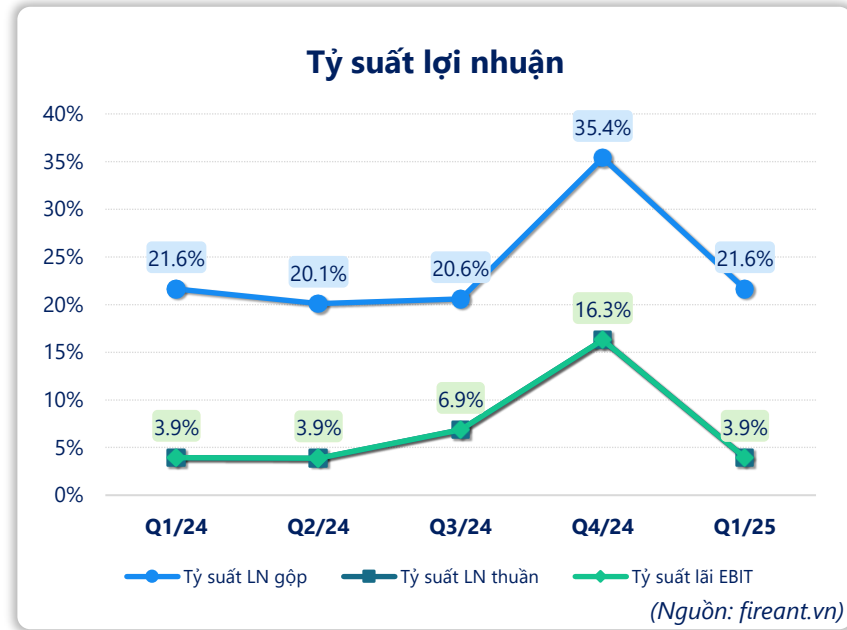
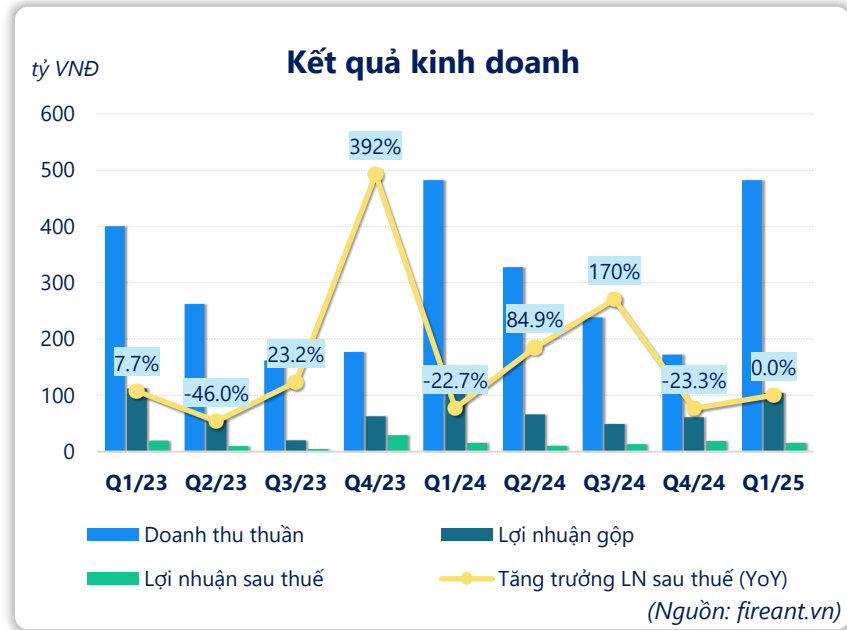


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		18,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,590
SL cổ phiếu LH		37,665,348
KLGD BQ 20 phiên (CP)		14,545
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		678
P/E		11.9
EPS		1,514

	YTD	1T	3T	6T
VAF	37.9%	7.1%	20.0%	36.4%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	836	1,072	-22.0%
Tài sản ngắn hạn	797	1,032	-22.8%
Tiền và tương đương tiền	395	399	-1.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	226	166	36.2%
Phải thu ngắn hạn	20.0	12.4	60.6%
Hàng tồn kho	156	441	-64.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.70	13.8	-94.9%
Tài sản dài hạn	39.0	39.9	-2.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	8.01	8.70	-8.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	25.0	25.0	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	5.96	6.20	-4.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	281	551	-49.1%
Nợ ngắn hạn	280	550	-49.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.17	0.23	-25.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	39.5	17.5	126%
Nợ dài hạn	0.69	0.69	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.69	0.69	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	555	521	6.5%
Vốn chủ sở hữu	555	521	6.5%
Vốn điều lệ	377	377	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	482	328	238	172	482
Giá vốn hàng bán	378	262	189	111	378
Lợi nhuận gộp	104	65.9	49.0	61.0	104
Doanh thu HĐTC	1.37	1.42	2.54	2.43	1.37
Chi phí TC	1.16	0.79	0.32	1.83	1.16
Chi phí lãi vay	0	0.05	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	74.1	44.8	27.0	29.1	74.1
Chi phí QLDN	11.4	9.07	7.88	4.43	11.4
LN thuần từ HĐKD	19.0	12.7	16.3	28.1	19.0
Lợi nhuận khác	0.00	0.02	0.01	0.01	0.00
LN trước thuế	19.0	12.7	16.4	28.1	19.0
Lợi nhuận sau thuế	15.2	10.1	13.1	18.6	15.2
LNST của CĐ cty mẹ	15.2	10.1	13.1	18.6	15.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	95.5	39.6	80.4	293	53.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-50.9	-49.7	-38.2	-20.3	-58.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.06	-37.7	-0.06	-0.06	-0.06
Tiền đầu kỳ	87.1	132	83.9	126	399
Lưu chuyển tiền thuần	44.6	-47.8	42.2	273	-4.48
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.08	0.09	0.08	0.02	0.04
Tiền cuối kỳ	132	83.9	126	399	395

(Nguồn: fireant.vn)